

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DS-ST

Ngày: 29/8/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Bà Lê Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2019/TLST-DS, ngày 10/7/2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST-DS, ngày 08/8/2019 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị X**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp 1, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977 và ông **Hồ Thanh T**, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà X, bà H có mặt. Ông T vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Phạm Thị X trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:***

Bà H và ông T có tham gia các dây hụi do bà làm chủ thảo cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1: Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 30/01/2017 (âm lịch), hai tháng khai một lần, hụi chưa mãn, gồm 22 phần. Bà H tham gia 01 phần, trong phiếu hụi tên “H chín T”. Bà H đã hốt hụi vào kỳ thứ 1 ngày 30/01/2017 (âm lịch) được số tiền 77.300.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà H có đóng hụi chết số tiền 60.000.000 đồng thì không đóng nữa. Bà đã đóng thay cho bà H 02 kỳ hụi (kỳ hụi tháng 3/2019 và tháng 5/2019) số tiền là 10.000.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 05/10/2017 (âm lịch), mỗi tháng khai một lần, hội chưa mãn, gồm 28 phần. Bà H tham gia 01 phần, trong phiếu hội tên “H chín Tâm”. Bà H đã hót hội vào kỳ thứ 3 ngày 05/12/2017 (âm lịch) được số tiền 38.500.000 đồng. Sau khi hót hội, bà H đóng hội chết số tiền 26.000.000 đồng thì không đóng nữa. Bà đã đóng thay cho bà H 04 kỳ (kỳ hội tháng 2, 3, 4, 5/2019 âm lịch) số tiền là 8.000.000 đồng.

Dây hội thứ 3: Hội 5.000.000 đồng, khai ngày 20/5/2018 (âm lịch), hai tháng khai một lần, hội chưa mãn, gồm 26 phần. Bà H tham gia 01 phần, trong phiếu hội tên “H 9 T”. Bà H đã hót hội vào kỳ thứ 3 ngày 20/9/2018 (âm lịch) được số tiền 83.020.000 đồng. Sau khi hót hội, bà H đóng hội chết số tiền 5.000.000 đồng thì không đóng nữa. Bà đã đóng thay cho bà H 02 kỳ hội (kỳ hội tháng 3/2019 và tháng 5/2019 âm lịch) số tiền là 10.000.000 đồng.

Dây hội thứ 4: Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 15/3/2018 (âm lịch), mỗi tháng khai một lần, hội chưa mãn, gồm 27 phần. Bà H tham gia 01 phần, trong phiếu hội tên “H 9 T”. Bà H đã hót hội vào kỳ thứ 2 ngày 15/4/2018 (âm lịch) được số tiền 40.650.000 đồng. Sau khi hót hội, bà H đóng hội chết số tiền 18.000.000 đồng thì không đóng nữa. Bà đã đóng thay cho bà H 04 kỳ (kỳ hội tháng 2, 3, 4, 5/2019 âm lịch) số tiền là 8.000.000 đồng.

Dây hội thứ 5: Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 15/3/2018 (âm lịch), mỗi tháng khai một lần, hội chưa mãn, gồm 27 phần, bà H tham gia 01 phần, trong phiếu hội tên “H 9 T”. Bà H đã hót hội vào kỳ thứ 4 ngày 15/6/2018 (âm lịch) được số tiền 40.590.000 đồng. Sau khi hót hội thì bà H đóng hội chết số tiền 14.000.000 đồng thì không đóng nữa. Bà đã đóng thay cho bà H 04 kỳ hội (kỳ hội tháng 2, 3, 4, 5/2019 âm lịch) số tiền là 8.000.000 đồng.

Tên chủ hội "Vợ 3 Ph" là tên thường gọi của bà. Tổng số tiền hội bà H, ông T còn nợ bà cho đến khi bà khởi kiện tại tòa tháng 5/2019 âm lịch là 44.000.000 đồng. Bà yêu cầu bà H, ông T trả cho bà tổng số tiền hội là 44.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Các kỳ hội sắp tới nếu bà H vi phạm thì bà sẽ khởi kiện tiếp.

Bà yêu cầu ông T liên đới trả nợ với bà H do bà H và ông T vợ chồng. Bà H nói với bà hót hội để mua đất. Ông T đi làm nên bà ít gặp ông T, nhưng có lần bà gặp ông T để gom hội thì ông T nói đợi bà H về đóng. Bà thu tiền hội trực tiếp của bà H.

** Bị đơn Nguyễn Thị H trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Về thời gian tham gia, diễn biến của 5 dây hội như bà X trình bày. Các dây hội này bà đã hót hội nhưng không đóng hội chết đầy đủ. Bà thừa nhận còn nợ bà X 44.000.000 đồng của 5 dây hội nêu trên và đồng ý trả cho bà X số tiền 44.000.000 đồng tiền hội mà bà X đã đóng thay cho bà và thống nhất với ý kiến của nguyên đơn là ông T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ hội với bà.

Số tiền hội đã hót một phần giao cho các hội viên lĩnh hội, một phần đắp qua các dây hội khác vì bà tham gia rất nhiều dây hội, có dây bà là chủ, có dây là hội

viên. Một số hui viên không đóng hoặc họ tự trừ cần các dây hui với nhau vì nghe vợ chồng bà sắp ly hôn nên hui bị bể. Một phần tiền hui thì sử dụng vào chăm lo con cái, nhà cửa. Ông T nói làm 02 ha ruộng là không đúng. Trước đây, cha chồng có cho khoảng 2 công đất, sau đó mới cho thêm 2 công đất nữa. Năm 2018, vợ chồng bà mới mua thêm 01 ha đất. Ông T đi làm rất ít đưa tiền cho bà. Nay ông T đã nộp đơn xin ly hôn với bà thì nợ nần cũng phải liên đới trả cùng bà.

** Bị đơn ông Hồ Thanh T trình bày tại bản tự khai ngày 26 và ngày 28/8/2019 có nội dung như sau:*

Ông là thợ hồ từ năm 2000 cho đến nay, thu nhập bình quân 40.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, ông còn canh tác 02 ha ruộng thu nhập một vụ lúa khoảng 40.000.000 đồng, tích góp xây nhà năm 2014. Năm 2017, ông còn nhận chuyển nhượng 01 ha đất thửa số 236, tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã MA, huyện X, nên không có việc vay tiền ai xây nhà. Nhiều năm nay, bà H gây nợ trên 1 tỷ nhưng ông không biết nguyên nhân. Ông đã chuyển nhượng đất để trả nợ nhưng bà H tiếp tục gây nợ bằng việc chơi hui, cầm xe, vay tiền xã hội đen. Bà H không chăm lo cho gia đình. Bà hăm dọa các con nếu không nói theo bà thì sẽ bỏ đói, đuổi ra khỏi nhà. Ông và bà H nhiều lần cãi nhau. Cuộc sống gia đình ông ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Ông đã bỏ sang nhà chị ruột sinh sống hơn 1 năm nay. Do đó, ông không đồng ý liên đới trả nợ với bà H. Ông T có nộp kèm bản tự khai của bà Hồ Thị Ngọc L là chị ruột có nội dung như lời khai của ông T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng góp hui được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án chỉ nộp bản tự khai, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn

vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên tòa án giải quyết vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà X và bà H thống nhất về quá trình diễn biến của 5 dây hụi nêu trên. Cả 5 dây hụi bà H đã hốt, hiện nay hụi vẫn đang hoạt động bình thường. Bà H không đóng hụi chết đầy đủ nên bà X đã đóng hụi chết thay. Bà H nợ các kỳ hụi chết cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1: Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 30/01/2017 (âm lịch), bà H nợ 02 kỳ hụi (tháng 3 và tháng 5/2019 âm lịch) số tiền là 10.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 2: Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 05/10/2017 (âm lịch), bà H nợ 04 kỳ hụi (tháng 2, 3, 4, 5/2019 âm lịch) số tiền là 8.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 3: Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 20/05/2018 (âm lịch), bà H nợ 02 kỳ hụi (tháng 3 và tháng 5/2019 âm lịch) số tiền là 10.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 4: Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 15/3/2018 (âm lịch), bà H nợ 04 kỳ hụi (tháng 2, 3, 4, 5/2019 âm lịch) số tiền là 8.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 5: Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 15/3/2018 (âm lịch), bà H nợ 04 kỳ hụi (tháng 2, 3, 4, 5/2019 âm lịch) số tiền là 8.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà H, ông T còn nợ bà X là 44.000.000 đồng tính đến tháng 5/2019 âm lịch.

Xét thấy, bà H thừa nhận tính đến khi bà X nộp đơn khởi kiện tại tòa thì bà còn nợ bà X 44.000.000 đồng là tiền của 5 dây hụi nêu trên. Như vậy, trong quá trình tham gia hụi, bà H đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên là không đóng hụi đầy đủ. Bà X đã phải đóng thay cho bà H với số tiền tổng cộng là 44.000.000 đồng, nên bà X khởi kiện yêu cầu bà H trả 44.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Về lãi suất: Bà X không yêu cầu tính lãi suất trên số tiền nợ hụi của bà H là sự tự nguyện, có lợi cho bà H, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về nghĩa vụ trả nợ hụi:

Bà X yêu cầu ông T phải liên đới với bà H trả nợ hụi cho bà. Lý do bà H và ông T là vợ chồng. Bà H nói với bà hốt hụi để mua đất. Ông T đi làm nên bà ít gặp ông T, nhưng có lần bà gặp ông T để gom hụi thì ông T nói đợi bà H về đóng. Bà thu tiền hụi trực tiếp của bà H. Ông T không đồng ý liên đới trả nợ với bà H vì ông cho

rằng không biết nguyên nhân bà H gây nên nợ. Bà H sử dụng tiền vào mục đích cá nhân.

Xét thấy, các phần hội của bà X diễn ra từ năm 2017, 2018 khi hôn nhân giữa ông T và bà H vẫn đang tồn tại. Ông T không chứng minh được bà H sử dụng tiền hội này vào mục đích cá nhân. Theo Luật hôn nhân và gia đình đã quy định tại Điều 19 như sau "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..." đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ. Khi mối quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H vẫn đang tồn tại, ông T phải quan tâm đến việc của bà H làm để biết cuộc sống gia đình như thế nào mà có biện pháp giải quyết. Nay ông T cho rằng không biết nguyên nhân bà H gây nợ và nghi ngờ bà H sử dụng tiền này vào mục đích cá nhân, phi pháp thì không liên đới trả nợ là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của anh Hồ Thanh Th ngày 08/8/2019 là con ruột sống cùng nhà của ông T, bà H là người đã thành niên, có nhận thức đầy đủ, hiểu rõ nhất hoàn cảnh gia đình đã xác định có thấy ông T nói chuyện với các chủ nợ, trong đó có bà X và ông T biết về việc chơi hội, vay tiền của bà H. Ông T không chứng minh được việc bà H sử dụng tiền hội vào mục đích cá nhân. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014, ông T phải có trách nhiệm liên đới với bà H trả cho bà X 44.000.000 đồng.

Từ các phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X đối với bà H, ông T như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X. Buộc bà H, ông T phải liên đới trả cho bà X số tiền 44.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H, ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Luật hôn nhân và gia đình;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X đối với bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới trả cho bà Phạm Thị X số tiền là 44.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Phạm Thị X có đơn yêu cầu thi hành án, thì bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới chịu 2.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Phạm Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.100.000 đồng theo biên lai thu số 0004566, ngày 09/7/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Long An;
- THA, VKS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng